FireAnt

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam (HSX: BAF)

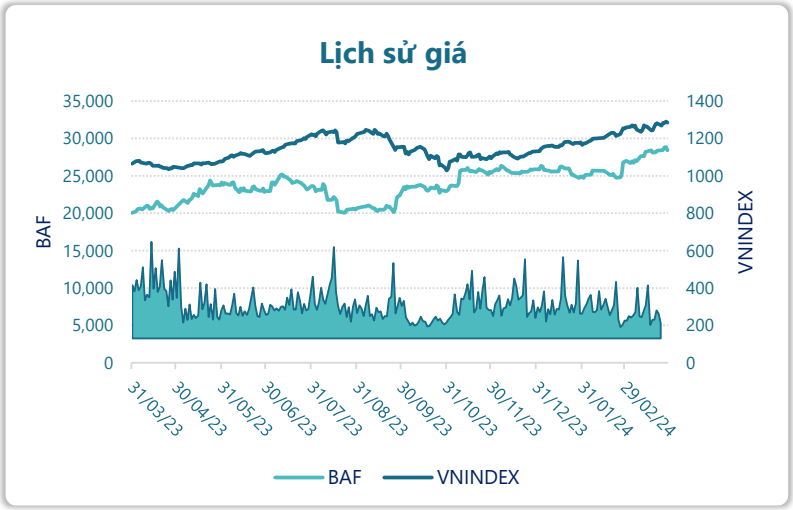

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,050
SL cổ phiếu LH	143,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,484,120
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,076
P/E	29.9
EPS	950

DT thuần

Q1/24

1,292

tỷ VNĐ

QoQ: ▼333| -20.5%

YoY: ▲ 475| 58.1%

LN sau thuế

Q1/24

119

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 149| 502%

YoY: ▲ 115| 2935%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

3.2%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

2023

5,199

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,884| -26.6%

LN sau thuế

2023

30.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼258| -89.5%

ROE

2023

1.4%

+/- YoY: ▼ 16.5%

Kết quả kinh doanh

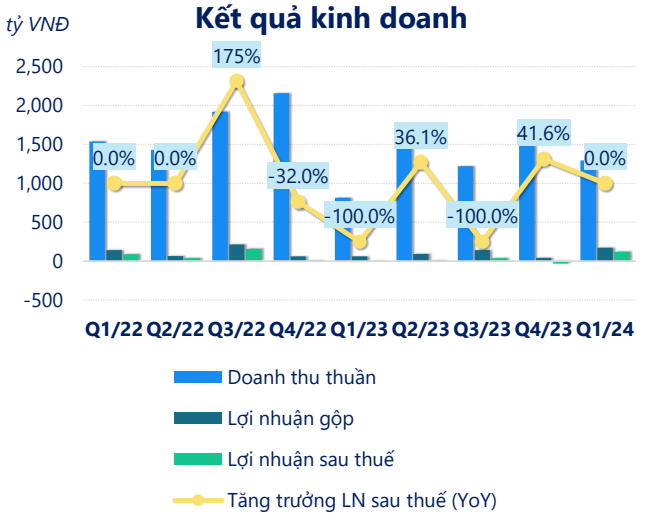

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

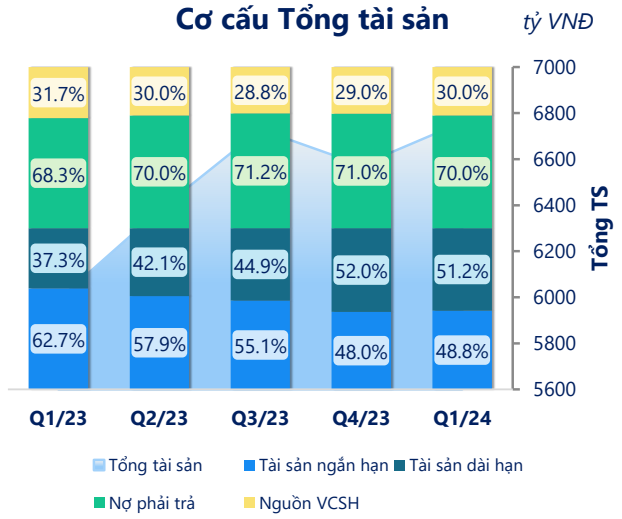

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

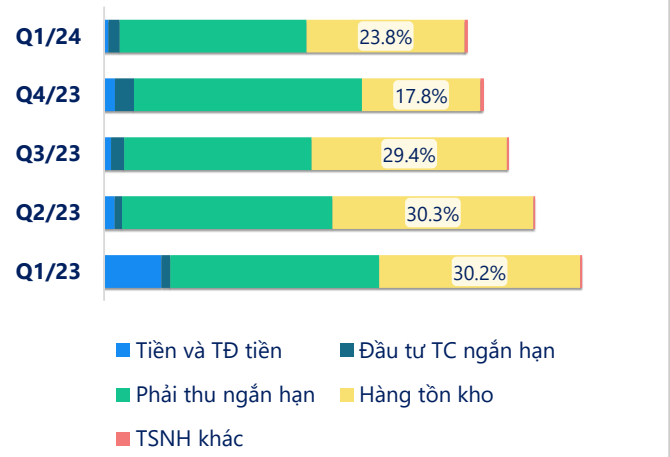

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

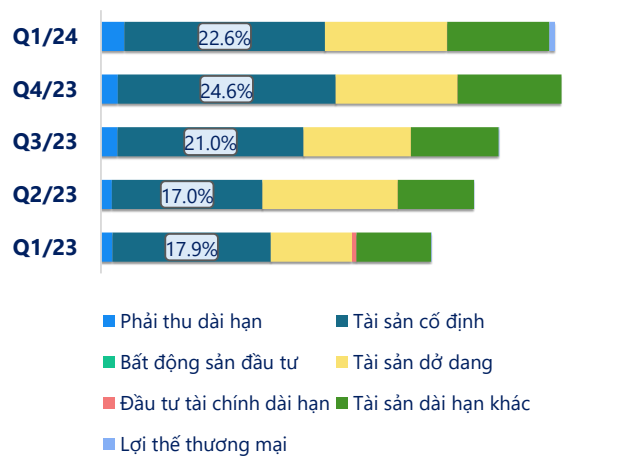

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

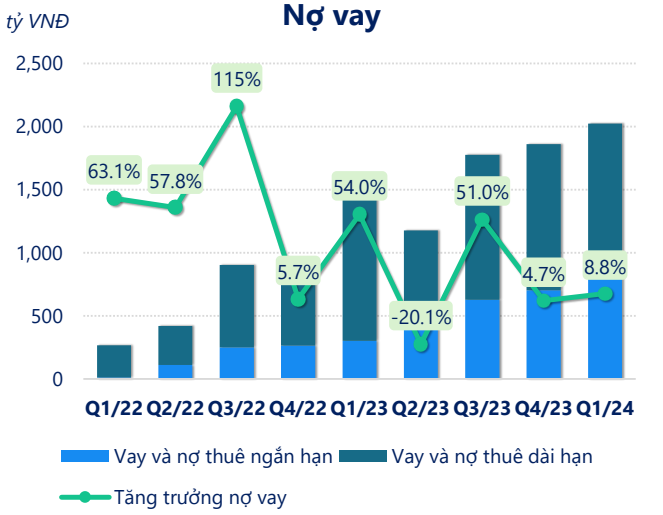

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

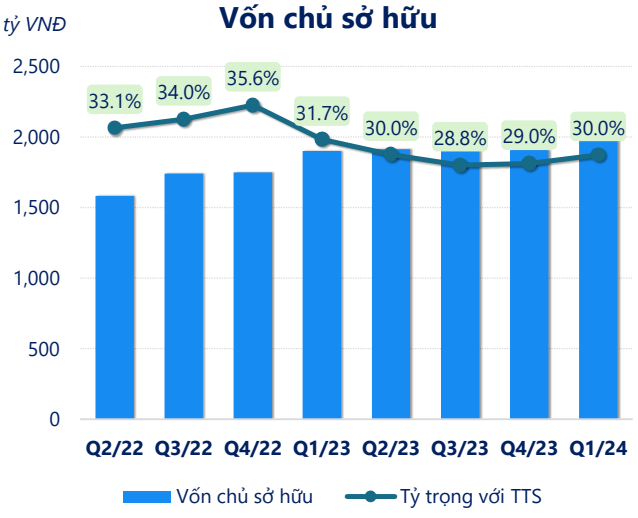

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

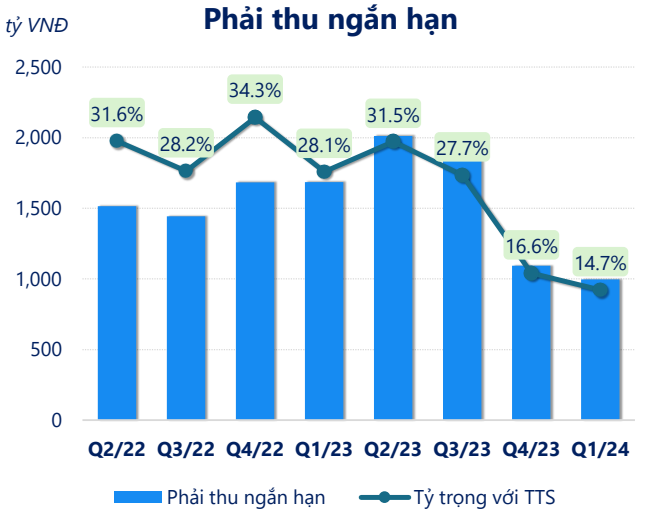

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

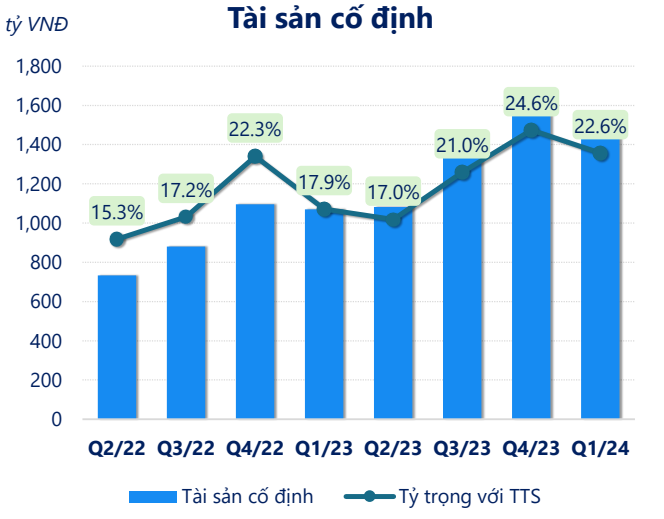

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

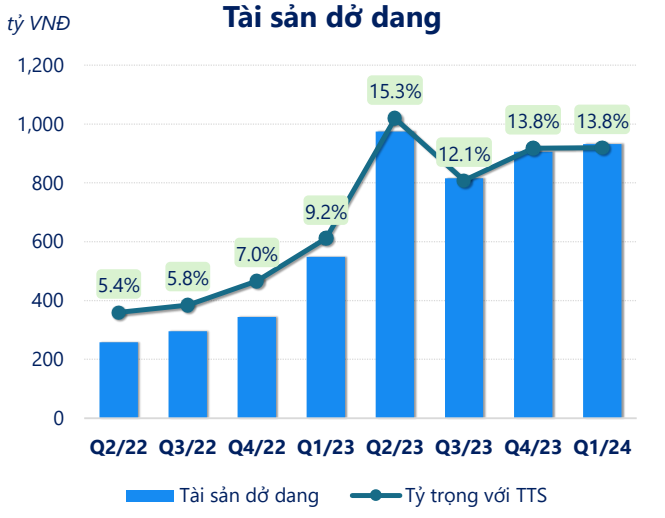

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

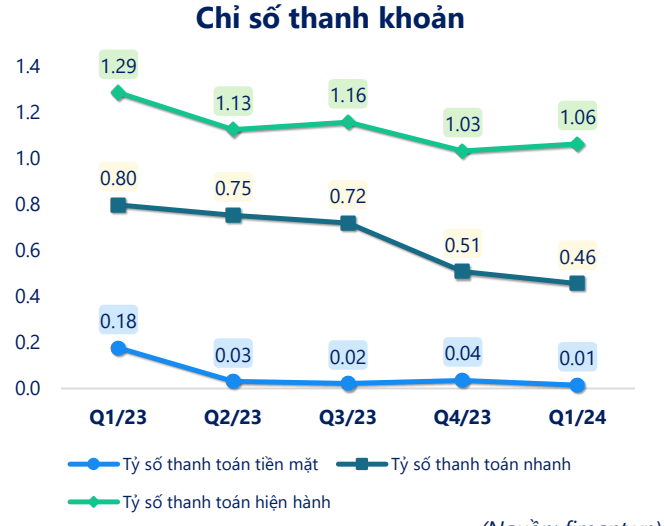

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

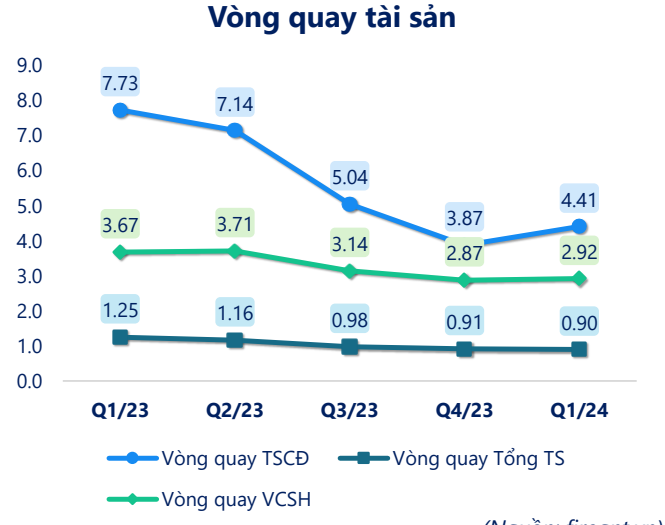

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**5,990**	**6,378**	**6,729**	**6,574**	**6,761**
Tài sản ngắn hạn	**3,755**	**3,690**	**3,706**	**3,157**	**3,297**
Tiền và tương đương tiền	515	101	70.8	108	44.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100	332	330	315	346
Phải thu ngắn hạn	1,686	2,012	1,867	1,094	996
Hàng tồn kho	1,425	1,222	1,405	1,605	1,883
Tài sản ngắn hạn khác	28.3	23.5	32.9	35.3	27.1
Tài sản dài hạn	**2,235**	**2,688**	**3,024**	**3,417**	**3,464**
Phải thu dài hạn	77.4	79.0	126	124	179
Tài sản cố định	1,070	1,082	1,413	1,615	1,529
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	549	975	816	905	932
Đầu tư tài chính dài hạn	29.8	0.25	0.25	0.25	0.25
Tài sản dài hạn khác	506	549	667	772	781
Lợi thế thương mại	2.82	2.73	2.63	0	42.5
Nợ phải trả	**4,090**	**4,463**	**4,790**	**4,667**	**4,734**
Nợ ngắn hạn	**2,919**	**3,277**	**3,201**	**3,057**	**3,100**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	303	409	627	704	853
Phải trả người bán ngắn hạn	2,456	2,765	2,387	2,205	1,968
Nợ dài hạn	1,171	1,186	1,590	1,610	1,633
Vay và nợ thuê dài hạn	1,169	767	1,150	1,156	1,170
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,900**	**1,914**	**1,939**	**1,907**	**2,027**
Vốn chủ sở hữu	**1,900**	**1,914**	**1,939**	**1,907**	**2,027**
Vốn điều lệ	1,435	1,435	1,435	1,435	1,435
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)